

Bản án số: **22/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/9/2021

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Tín - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Bích N**, sinh năm: 1986. Trú tại: Tổ 89, phường B, quận S, TP. Đà Nẵng; (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông **Văn Công L**, sinh năm: 1984. Trú tại: Tổ 53, K91/41 đường L, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng; (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Bích N và ông Văn Công L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2003. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại nhà mẹ ruột ông L ở địa chỉ: Tổ 53, K91/41 đường L, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng đến đầu năm 2020 thì vợ chồng ông, bà chuyển về sống tại nhà cha mẹ ruột bà N ở địa chỉ: Tổ 89, K02/25 đường Đ, phường B, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng ông, bà chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L hay ghen tuông vô cớ và đánh đập bà N nhiều lần dẫn đến gây thương tích. Bà N đã nhiều lần nói chuyện với ông L để giải quyết mâu thuẫn nhưng ông L vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng ông, bà sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với ông Văn Công L không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Văn Công L.

- Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị Bích N xác định bà và ông Văn Công L có 03 con chung là: Văn Thụy Tuyết D, sinh ngày: 17/9/2003; Văn Gia H, sinh ngày: 23/11/2008 và Văn Thụy Tuyết N, sinh ngày: 18/9/2018. Ly hôn, bà Đặng Thị Bích N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Văn Thụy Tuyết D và Văn Thụy Tuyết N cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Văn Gia H cho ông Văn Công L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Văn Gia H đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Đặng Thị Bích N xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Đặng Thị Bích N xác định không có.

* Đối với bị đơn – ông Văn Công L: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét

xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Văn Công L đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên không ghi nhận được ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn ông Văn Công L không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Bích N đối với ông Văn Công L.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung là: Văn Thụy Tuyết D và Văn Thụy Tuyết N cho bà Đặng Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Văn Gia H cho ông Văn Công L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Văn Gia H đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Bích N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa ông Văn Công L vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Bích N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đặng Thị Bích N là nguyên đơn trong vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 08/9/2021. Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn. Ông Văn Công L là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Văn Công L vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, Hội đồng xét xử căn cứ điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Bà Đặng Thị Bích N và ông Văn Công L xây dựng gia đình vào năm 2003, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 139, quyển số: 01/2007 cấp ngày 13/6/2007. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại nhà mẹ ruột ông L ở địa chỉ: Tổ 53, K91/41 đường L, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng đến đầu năm 2020 thì vợ chồng ông, bà chuyển về sống tại nhà cha mẹ ruột bà N ở địa chỉ: Tổ 89, K02/25 đường Đ, phường B, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng ông, bà chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L hay ghen tuông vô cớ và đánh đập bà N nhiều lần dẫn đến gây thương tích. Bà N đã nhiều lần nói chuyện với ông L để giải quyết mâu thuẫn nhưng ông L vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng ông, bà sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay bà Đặng Thị Bích N xác định không còn yêu thương ông Văn Công L nữa, bà xin được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Bích N đối với ông Văn Công L thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Đặng

Thị Bích N và ông Văn Công L lại không làm được điều này. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được cách giải quyết để hàn gắn và xây dựng gia đình. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện việc ông L thường xuyên dùng vũ lực đối với bà N dẫn đến thương tích. Về phía ông Văn Công L, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Văn Công L đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Văn Công L không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Đặng Thị Bích N và ông Văn Công L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Bích N đối với ông Văn Công L là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Đặng Thị Bích N xác định bà và ông Văn Công L có 03 con chung là: Văn Thụy Tuyết D, sinh ngày: 17/9/2003; Văn Gia H, sinh ngày: 23/11/2008 và Văn Thụy Tuyết N, sinh ngày: 18/9/2018. Ly hôn, bà Đặng Thị Bích N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Văn Thụy Tuyết D và Văn Thụy Tuyết N cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Văn Gia H cho ông Văn Công L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Văn Gia H đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của bà N về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển toàn diện của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, 02 cháu Văn Thụy Tuyết D và Văn Thụy Tuyết N được bà N trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Văn Gia H do ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các cháu về chỗ ở và môi trường học tập, cần tiếp tục giao hai con chung Văn Thụy Tuyết D và Văn Thụy Tuyết N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Văn Gia H cho ông Văn Công L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với tình hình thực tế, phù

hợp với nguyện vọng của con cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Bích N xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung. Ông Văn Công L vắng mặt nên không ghi nhận được kiến của ông về vấn đề này. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Đặng Thị Bích N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn " của bà Đặng Thị Bích N đối với ông Văn Công L.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Bích N được ly hôn ông Văn Công L.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Bích N đối với ông Văn Công L nên giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01/2007 do UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng cấp cho bà Đặng Thị Bích N và ông Văn Công L ngày 13/6/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Văn Thụy Tuyết D, sinh ngày: 17/9/2003 và Văn Thụy Tuyết N, sinh ngày: 18/9/2018 cho bà Đặng Thị

Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Văn Gia H, sinh ngày: 23/11/2008 cho ông Văn Công L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Văn Gia H đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Đặng Thị Bích N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Đặng Thị Bích N đã nộp tại biên lai thu số 0006660 ngày 15/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà Đặng Thị Bích N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường T; Quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm